| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 299/2018/KDTM-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Trần Hoàng Hạnh

Bà Trịnh Thị Phương Châm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30-10-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1488/2017/TLST-KDTM ngày 24-7-2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4911/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25-9-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5150/2018/QĐST-KDTM ngày 12-10-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp N
Địa chỉ trụ sở: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, địa chỉ: Đường D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1/UQ/2017 ngày 26-6-2017)

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần V
Địa chỉ trụ sở: Đường H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong Đơn khởi kiện ngày 10-7-2017, nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp N và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty Cổ phần V có ký Hợp đồng kinh tế số 02-C2KTX/HĐKT/CSG ngày 30-8-2011, nội dung hợp đồng: Bị đơn đồng ý giao và nguyên đơn đồng ý nhận khoán thi công các phần việc thuộc các hạng mục: Phần cấp và thoát nước, phần điện trong nhà và phần thông tin liên lạc của Nhà C2 –

Khu KTX Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Tổng giá trị hợp đồng giao khoán: 1.095.137.900 đồng, kèm theo Phụ lục số 01/HĐ02/PLHĐ/C2KTX, số 02/HĐ02/PLHĐ/C2KTX, số 03/HĐ02/PLHĐ/C2KTX; Giá trị quyết toán và thanh lý hợp đồng căn cứ theo khối lượng công việc thực tế được nghiệm thu giữa hai bên; Bị đơn tạm ứng 300.000.000 đồng để tập trung nhân lực, công cụ và thiết bị phục vụ thi công ngay sau khi ký hợp đồng, số tiền tạm ứng sẽ trừ 25% vào mỗi đợt thanh toán; Thanh toán: Căn cứ khối lượng thực hiện được bị đơn nghiệm thu và báo cáo sử dụng vật tư, bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn theo tiến độ.

Ngày 30-5-2013, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục số 1-C2KTX/PLHĐKT/VCSG; Phụ lục số 04-C2KTX – Bảng tổng hợp giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, tổng giá trị Phụ lục hợp đồng giao khoán là 224.436.834 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã xuất cho bị đơn các Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000026 ngày 17-12-2011 số tiền 130.850.479 đồng; số 0000036 ngày 14-01-2012 số tiền 176.440.000 đồng; số 0000050 ngày 13-7-2012 số tiền 221.855.000 đồng; số 0000055 ngày 01-02-2013 số tiền 112.360.000 đồng; số 0000078 ngày 14-8-2014 số tiền 581.029.762 đồng.

Ngày 05-5-2014, hai bên ký Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng thống nhất số liệu quyết toán hợp đồng kinh tế số 02-C2KTX/HĐKT/CSG, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 581.029.762 đồng (bao gồm 5% bảo hành giữ lại là 61.126.763 đồng).

Đến nay đã hết thời hạn bảo hành nhưng bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 100.000.000 đồng, còn nợ lại 481.029.762 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 481.029.762 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 02-C2KTX/HĐKT/CSG ngày 30-8-2011.

- Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công với bị đơn là Công ty Cổ phần V, địa chỉ trụ sở: Đường H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 481.029.762 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 02-C2KTX/HĐKT/CSG ngày 30-8-2011.

[5] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng kinh tế số 02-C2KTX/HĐKT/CSG ngày 30-8-2011, Phụ lục hợp đồng kinh tế số 1-C2KTX/PLHĐKT/VCSG ngày 30-5-2013; Phụ lục 04-C2KTX – Bảng tổng hợp giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng. Ngày 05-5-2014, hai bên ký Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng thống nhất giá trị nghiệm thu theo hợp đồng: 998.098.407 đồng; Giá trị phát sinh theo phụ lục hợp đồng: 224.436.834 đồng; Số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn: 641.505.479 đồng; Số tiền còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 581.029.762 đồng (bao gồm 5% bảo hành giữ lại là 61.126.763 đồng)… Sau đó, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 100.000.000 đồng, còn nợ lại 481.029.762 đồng chưa thanh toán. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 481.029.762 đồng còn nợ theo Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng ngày 05-5-2014 là phù hợp quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự tại Điều 280, Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.241.190 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp N

Buộc Công ty Cổ phần V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp N 481.029.762 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 02-C2KTX/HĐKT/CSG ngày 30-8-2011, Phụ lục hợp đồng kinh tế số 1-C2KTX/PLHĐKT/VCSG ngày 30-5-2013; Phụ lục 04-C2KTX – Bảng tổng hợp giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng ngày 05-5-2014.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.241.190 đồng.

Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại và Xây lắp N 11.620.595 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2016/0019883 ngày 24-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Quỳnh Trâm**